

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2010/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2010

THÔNG TƯ**Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực Thú y**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này 02 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực Thú y:

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý chất thải trong cơ sở chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật.

Ký hiệu: QCVN 01 - 24: 2010/BNNPTNT

2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quản lý chất thải trong cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.

Ký hiệu: QCVN 01 - 25: 2010/BNNPTNT

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực sau 6 tháng, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Bùi Bá Bổng**

QCVN 01-24: 2010/BNNPTNT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI
TRONG CƠ SỞ CHẨN ĐOÁN XÉT NGHIỆM BỆNH ĐỘNG VẬT
Technical regulation
Waste management in Veterinary Diagnostic Laboratories

Lời nói đầu:

QCVN 01 - 24: 2010/BNNPTNT do Cục Thú y biên soạn; Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình duyệt và được ban hành kèm theo Thông tư số 31/2010/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUY CHUẨN**Kỹ thuật quốc gia về quản lý chất thải trong cơ sở
chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật***Technical regulation**Waste management in Veterinary Diagnostic Laboratories***1. Quy định chung****1.1. Phạm vi áp dụng**

Quy chuẩn này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật trên lãnh thổ Việt Nam.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này quy định các biện pháp quản lý, phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trong các cơ sở chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Cơ sở chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật: Là các trung tâm, phòng xét nghiệm, chẩn đoán, phòng thí nghiệm, nghiên cứu bệnh gia súc, gia cầm. Cơ sở này có địa điểm cố định, được các cơ quan có thẩm quyền cho phép.

1.3.2. Chất thải: Là toàn bộ những vật chất được thải ra từ quá trình hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật, bao gồm: phân, rác, phủ tạng bị cắt bỏ khỏi cơ thể, xác động vật, dụng cụ bỏ đi sau quá trình chẩn đoán, xét nghiệm. Chất thải rắn gồm 3 loại: chất thải lây nhiễm; chất thải hóa học; chất thải rắn thông thường.

1.3.3. Chất thải thông thường: Là những chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, sinh hoạt của cơ sở không chứa yếu tố nguy hại.

1.3.4. Chất thải có thể tái chế được: Là chất thải có thể được chế biến lại để sử dụng với mục đích khác ngoài mục đích liên quan đến việc làm thực phẩm cho người.

1.3.5. Chất thải nguy hại: Là chất thải chứa các yếu tố độc hại, dễ lây nhiễm hoặc có các đặc tính nguy hại khác trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng đối với sức khỏe con người và môi trường sinh thái. Chất thải nguy hại bao gồm: các vật sắc nhọn, bơm tiêm, kim tiêm, lưỡi dao mổ, mảnh thủy tinh vỡ và các vật liệu có thể gây ra các vết cắt hoặc chọc thủng, chún; Những vật liệu thấm máu, thấm dịch, chất bài tiết thú bệnh, băng, gạc, bông, găng tay, dây truyền dịch...; các mô, cơ quan, bộ phận động vật, xác động vật thí nghiệm và xác động vật.

1.3.6. Chủ thu gom, vận chuyển chất thải: Là tổ chức, cá nhân có tư cách pháp nhân hoạt động trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.3.7. Thiêu đốt: Là biện pháp thiêu hủy hoàn toàn chất thải rắn trong lò thiêu kín có nhiệt độ cao đạt tiêu chuẩn môi trường.

1.3.8. Chôn lấp: Là biện pháp tiêu hủy chất thải rắn bằng cách chôn lấp dưới đất theo đúng quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.3.9. Quản lý chất thải: Là hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải.

1.3.10. Xử lý ban đầu là quá trình khử khuẩn hoặc tiệt khuẩn đối với các chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao tại nơi chất thải phát sinh trước khi vận chuyển tới nơi lưu giữ hoặc tiêu hủy.

2. Yêu cầu kỹ thuật

2.1. Màu sắc, chất liệu, kích thước của bao bì, vật liệu chứa đựng chất thải

2.1.1. Màu sắc, biểu tượng

2.1.1.1. Túi, thùng màu vàng đựng chất thải lây nhiễm có biểu tượng nguy hại sinh học.

2.1.1.2. Túi, thùng màu đen đựng chất thải gây độc tế bào có biểu tượng chất gây độc tế bào kèm dòng chữ “Chất gây độc tế bào” hoặc đựng chất thải phóng xạ có biểu tượng chất phóng xạ và có dòng chữ “Chất phóng xạ”.

2.1.1.3. Túi, thùng màu trắng đựng chất thải để tái chế có biểu tượng chất thải có thể tái chế.

2.1.1.4. Túi, thùng màu xanh đựng chất thải sinh hoạt thông thường.

2.2. Tiêu chuẩn túi đựng chất thải

2.2.1. Túi đựng chất thải phải là túi nhựa PE hoặc PP, không dùng túi nhựa PVC.

2.2.2. Thành túi dày tối thiểu 0,1mm, kín để tránh rơi vãi, kích thước phù hợp với lượng chất thải phát sinh, thể tích tối đa 0,1 m³.

2.2.3. Bên ngoài có đường kẻ ngang ở mức 3/4 và trên có dòng chữ “không chứa quá vạch này”.

2.2.3. Tiêu chuẩn hộp đựng chất thải sắc nhọn

2.2.3.1. Hộp làm bằng vật liệu cứng, bảo đảm thành và đáy không bị xuyên thủng, có khả năng chống thấm, kích thước phù hợp, có nắp đóng mở dễ dàng, có thể thiêu đốt, miệng hộp đủ lớn để cho vật sắc nhọn vào mà không cần lực đẩy.

2.2.3.2. Có quai hoặc kèm hệ thống cố định, khi di chuyển vật sắc nhọn bên trong không bị đổ ra ngoài.

2.2.3.3. Bên ngoài có đường kẻ ngang ở mức 3/4 và phía trên có dòng chữ: “không chứa quá vạch này”, phía dưới có biểu tượng và dòng chữ chỉ định vật sắc nhọn.

2.2.3.4. Đối với dụng cụ đựng chất thải sắc nhọn có thể tái sử dụng, trước khi tái sử dụng, dụng cụ phải được vệ sinh, khử khuẩn theo quy trình khử khuẩn.

4.4.4. Tiêu chuẩn thùng đựng chất thải

2.2.4.1. Phải làm bằng nhựa polyetylen có tỷ trọng cao, thành dày và cứng hoặc làm bằng kim loại có nắp mở bằng đạp chân. Những thùng thu gom thể tích từ 50 lít trở lên cần có bánh xe đẩy.

2.2.4.2. Màu của thùng đựng cùng màu với túi chứa.

2.2.4.3. Dung tích thùng tùy vào khối lượng chất thải phát sinh, từ 10 lít đến 250 lít.

2.2.4.4. Bên ngoài thùng phải có vạch báo hiệu ở mức 3/4 thùng và ghi dòng chữ “Không đựng quá vạch này”.

2.2.5. Tiêu chuẩn dụng cụ vận chuyển chất thải

2.2.5.1. Dụng cụ vận chuyển chất thải phải có thành, có nắp, có đáy kín, dễ cho chất thải vào và lấy chất thải ra, dễ làm sạch, tẩy uế và làm khô.

2.2.5.2. Dụng cụ vận chuyển chất thải là những dụng cụ chuyên dùng theo quy định của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

2.3. Phân loại chất thải

2.3.1. Phân loại chất thải được thực hiện ngay tại thời điểm chất thải phát sinh và phải đựng chất thải trong các túi hoặc thùng theo đúng quy định trong mỗi phòng xét nghiệm.

2.3.2. Các chất thải nguy hại không để lẫn với chất thải rắn thông thường. Nếu vô tình để lẫn chất thải nguy hại vào chất thải rắn thông thường thì hỗn hợp chất thải đó phải được xử lý và tiêu hủy như chất thải nguy hại.

2.3.3. Việc thu gom, vận chuyển các chất thải nguy hại và chất thải thông thường từ nơi phát sinh về nơi tập trung của cơ sở ít nhất một lần một ngày.

2.3.4. Cơ sở phải quy định đường vận chuyển và giờ vận chuyển chất thải. Tránh vận chuyển chất thải qua các khu vực sạch khác.

2.3.5. Túi chất thải phải buộc kín miệng và được vận chuyển bằng xe chuyên dụng, không được làm rơi, vãi chất thải, nước thải và phát tán mùi hôi trong quá trình vận chuyển.

2.4. Nơi đặt các túi, hộp và thùng đựng chất thải

2.4.1. Nơi đặt thùng đựng chất thải thú y nguy hại và chất thải rắn thông thường được quy định rõ ràng tại mỗi phòng.

2.4.2. Các túi, hộp và thùng đựng chất thải đặt ở nơi gần với nguồn phát sinh chất thải.

2.4.3. Nơi đặt thùng đựng chất thải phải có hướng dẫn cách phân loại và thu gom.

2.4.4. Túi sạch thu gom chất thải phải luôn có sẵn tại nơi phát sinh để thay thế cho túi cùng loại đã được thu gom chuyển về nơi lưu giữ tạm thời chất thải của cơ sở.

2.5. Lưu giữ chất thải

2.5.1. Nơi lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường và chất thải để tái sử dụng, tái chế phải được lưu giữ riêng.

2.5.2. Nơi lưu giữ chất thải phải có đủ điều kiện sau: cách xa nơi chuẩn bị đồ ăn, nhà kho, lối đi; có đường để xe chuyên chở chất thải từ bên ngoài đến; có mái che, có hàng rào bảo vệ, có cửa và có khóa.

2.5.3. Không để các loại súc vật và các loại gặm nhấm, côn trùng xâm nhập tự do khu vực lưu giữ chất thải.

2.5.4. Có diện tích phù hợp với lượng chất thải phát sinh của cơ sở.

2.5.5. Thời gian lưu giữ chất thải trong các cơ sở.

2.5.6. Đối với chất thải lây nhiễm, phải chuyển đi chôn hoặc tiêu hủy hàng ngày.

2.5.7. Đối với chất thải khác, dưới 5 kg/ngày, thời gian thu gom tối thiểu 2 lần trong một tuần.

2.6. Tập trung, bàn giao chất thải rắn cho cơ sở xử lý

2.6.1. Đối với cơ sở chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật không tự xử lý chất thải, phải có hợp đồng với cơ sở có tư cách pháp nhân trong việc vận chuyển và tiêu hủy chất thải;

2.6.2. Thực hiện nghiêm chỉnh việc phân loại chất thải theo mục 2.3 của quy chuẩn này;

2.6.3. Chất thải nguy hại, trước khi vận chuyển tới nơi tiêu hủy phải được chứa trong các thùng để tránh bị thủng, vỡ trên đường vận chuyển.

2.6.4. Chất thải sinh học lây nhiễm phải đựng trong 2 lượt túi màu vàng, đóng riêng trong thùng hoặc hộp, đóng kín miệng và ghi nhãn “chất thải lây nhiễm” trước khi bàn giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển, tiêu hủy chất thải.

2.6.5. Việc bàn giao chất thải phải thực hiện hàng ngày, theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.6.6. Mỗi cơ sở phải có hệ thống sổ theo dõi chất thải hàng ngày, có chứng từ ghi nhận chất thải được chuyển đi tiêu hủy theo mẫu quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.7. Xử lý ban đầu đối với chất thải lây nhiễm

2.7.1. Chất thải lây nhiễm được xử lý bằng một trong các phương pháp sau:

2.7.1.1. Khử khuẩn bằng vi sóng.

2.7.1.2. Khử khuẩn bằng nhiệt ướt (autoclave).

2.7.1.3. Khử trùng bằng hóa chất.

2.7.1.4. Khử trùng bằng hơi.

2.7.1.5. Đun sôi liên tục (tối thiểu 15 phút).

2.7.2. Chất thải lây nhiễm sau khi được xử lý, đạt tiêu chuẩn có thể xử lý như chất thải thông thường và có thể tái chế.

2.8. Xử lý và tiêu hủy chất thải lây nhiễm

Cơ sở tự xử lý có thể áp dụng một trong 2 phương pháp sau:

2.8.1. Phương pháp thiêu đốt: Tiêu chuẩn lò đốt theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2.8.2. Phương pháp chôn lấp:

2.8.2.1. Chỉ được phép chôn chất thải nguy hại tại các khu vực riêng đã được cơ quan thẩm quyền chấp thuận.

2.8.2.2. Khu vực chôn lấp hợp vệ sinh theo quy định của bộ Tài Nguyên và Môi trường.

2.8.2.3. Không chôn chất thải lây nhiễm lẫn với chất thải sinh hoạt.

2.8.2.4. Chất thải lây nhiễm phải được khử khuẩn trước khi chôn lấp.

2.9. Xử lý và tiêu hủy chất thải phóng xạ

Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Pháp lệnh An toàn và kiểm soát bức xạ ngày 25/6/1996; Nghị định số 50/CP ngày 16/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh An toàn và kiểm soát bức xạ và các quy định hiện hành của nhà nước.

2.10. Xử lý và tiêu hủy chất thải hóa học

2.10.1. Đối với chất thải hóa học không nguy hại: áp dụng phương pháp tiêu hủy như chất thải sinh hoạt.

2.10.2. Đối với chất thải hóa học nguy hại: Phải làm tro hóa, trung hòa trước khi xử lý bằng cách chôn trong hố bê tông, chôn lấp tại bãi chất thải nguy hại. Tốt nhất là hợp đồng với công ty môi trường để xử lý.

2.11. Xử lý nước thải

2.11.1. Quy định chung

2.11.1.1. Mỗi cơ sở phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

2.11.1.2. Nước thải sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường (QCVN 24 -2009/BTNMT).

2.11.1.3. Định kỳ kiểm tra chất lượng xử lý nước thải và lưu giữ hồ sơ xử lý nước thải.

2.11.2. Các yêu cầu của hệ thống xử lý nước thải

2.11.2.1. Công suất phù hợp với lượng nước thải phát sinh của cơ sở chẩn đoán, xét nghiệm, điều trị bệnh động vật.

2.11.2.2. Cửa xả nước thải phải thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát.

2.11.2.3. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phải được quản lý như chất thải rắn nguy hại.

3. Quy định về quản lý

3.1. Trách nhiệm của cơ sở chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật

3.1.1. Phải có cam kết bảo vệ môi trường.

3.1.2. Thực hiện tự kiểm tra, đánh giá việc quản lý chất thải trong cơ sở (theo Phụ lục 3).

3.1.3. Báo cáo định kỳ 6 tháng 1 lần cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3.1.4. Chịu sự giám sát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Định kỳ hoặc đột xuất cơ quan có thẩm quyền kiểm tra việc quản lý chất thải của cơ sở theo quy định.

3.2. Tổ chức thực hiện

3.2.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông giao cho Cục Thú y tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy chuẩn này.

3.3.2. Các đối tượng nêu tại mục 1.2 có trách nhiệm tuân thủ các quy định của quy chuẩn này.

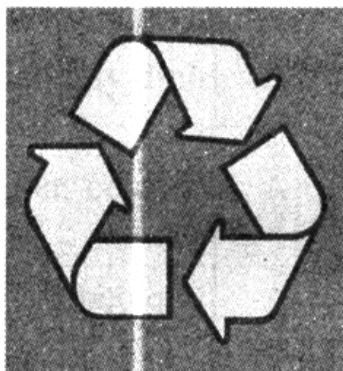
Phụ lục 1
MỘT SỐ BIỂU TƯỢNG

1. Biểu tượng chỉ chất thải nguy hại sinh học, lây nhiễm



Chất thải lây nhiễm

2. Biểu tượng chỉ chất thải tái chế



Tái chế được

Phụ lục 2**DANH MỤC CHẤT THẢI ĐƯỢC PHÉP THU GOM PHỤC VỤ TÁI CHẾ**

Các vật liệu thuộc chất thải thông thường không dính, chứa các thành phần nguy hại (lây nhiễm, chất hóa học nguy hại, chất phóng xạ, thuốc gây độc tế bào) được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế, bao gồm:

a) Nhựa:

- Chai nhựa đựng các dung dịch không có chất hóa học nguy hại như: dung dịch NaCl 0,9%, glucose, natri bicarbonate, ringer lactat, dung dịch cao phân tử, dịch lọc thận và các chai nhựa đựng dung dịch không nguy hại khác.

- Các vật liệu nhựa khác không dính các thành phần nguy hại;

b) Thủy tinh:

- Chai thủy tinh đựng các dung dịch không chứa các thành phần nguy hại.

- Lọ thủy tinh đựng thuốc tiêm không chứa các thành phần nguy hại

c) Giấy: Giấy, báo, bìa, thùng carton, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy.*d) Kim loại:* các vật liệu kim loại không dính các thành phần nguy hại.

Phụ lục 3
BẢNG ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI NHỮNG CƠ SỞ TỰ XỬ LÝ
VÀ TIÊU HỦY CHẤT THẢI

Mức độ A = Bắt buộc thực hiện; Mức độ B = Khuyến khích thực hiện

Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá, kiểm tra	Mức độ	Kết quả đánh giá		Yêu cầu điều chỉnh
			Có	Không	
I	Quản lý, cơ sở vật chất				
1	Cơ sở có giấy phép kinh doanh, giấy phép hành nghề không?	A			
2	Cơ sở có văn bản quy định quản lý chất thải không?	A			
3	Cơ sở có báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường trong cơ sở không?	B			
4	Cơ sở có tự kiểm tra, đánh giá thực hiện quy định quản lý chất thải không?	A			
5	Cơ sở có báo cáo ĐTM hoặc cam kết bảo vệ môi trường không?	A			
II	Thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải				
4	Túi đựng chất thải có theo quy định không?	A			
5	Thùng chứa đựng chất thải có theo quy định không?	A			
6	Xe vận chuyển chất thải có theo quy định không?	A			
7	Cơ sở có thực hiện phân loại chất thải tại nguồn không?	A			
8	Chất thải nguy hại có để riêng với chất thải rắn khác không ?	A			
9	Thu gom, vận chuyển chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về nơi tập trung ít nhất 1 lần/ngày không?	A			
10	Có nơi lưu giữ chất thải đúng quy định không?	B			

Chỉ tiêu	Nội dung đánh giá, kiểm tra	Mức độ	Kết quả đánh giá		Yêu cầu điều chỉnh
			Có	Không	
III	Kỹ thuật xử lý				
11	Sử dụng công nghệ gì xử lý chất thải lây nhiễm không? - Nếu dùng phương pháp khử khuẩn - xử lý với chất thải sinh hoạt thì trả lời câu hỏi 12; - Nếu dùng phương pháp đốt trong lò chuyên dụng thì trả lời câu hỏi 13; - Nếu dùng phương pháp chôn trong khu quy hoạch thì trả lời câu hỏi 14;				
12	Chất thải lây nhiễm trước khi vận chuyển ra khỏi PTN có thực hiện việc khử khuẩn theo quy định không?	A			
13	Nếu dùng lò đốt, lò đốt chất thải nguy hại có đạt tiêu chuẩn không?	A			
14	Nếu dùng phương pháp chôn lấp, khu vực chôn lấp chất thải có theo quy định không?	A			
15	Cơ sở có thiết bị xử lý khí thải không?	B			
16	Chất thải tái sử dụng có được khử khuẩn trước khi tái sử dụng không?	A			
17	Cơ sở có hợp đồng xử lý chất thải phóng xạ không?	B			
	Xử lý và tiêu hủy nước thải				
18	Cơ sở có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn không?	A			
19	Công nghệ xử lý nước thải có đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường không?	A			
20	Nước thải sau khi xử lý có đạt tiêu chuẩn môi trường QCVN 24: 2009/ BTNMT không?	A			
21	Định kỳ có kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra không?	B			
22	Công suất xử lý nước thải có phù hợp với lượng nước thải phát sinh không?	A			

CÁCH ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN HỢP QUY

1. Cách đánh giá

1.1. Việc đăng ký, kiểm tra, chứng nhận hợp quy theo quy chế công nhận hợp quy của Bộ Nông nghiệp & PTNT;

1.2. Các chỉ tiêu mức độ A là chỉ tiêu bắt buộc thực hiện, mức độ B là khuyến khích thực hiện:

1.3. Hình thức kiểm tra đánh giá:

1.3.1. Cơ sở tự kiểm tra

1.3.2. Cơ quan chứng nhận kiểm tra, đánh giá

1.3.3. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá việc thực hiện

1.4. Phương pháp kiểm tra đánh giá:

1.4.1. Kiểm tra hồ sơ, giấy tờ, sổ sách liên quan

1.4.2. Phỏng vấn chủ cơ sở và những người liên quan

1.4.3. Lấy mẫu kiểm tra (nếu cần thiết)

2. Cách tính kết quả

2.1. Đạt quy chuẩn khi đạt các điều kiện sau đây:

- Tất cả các chỉ tiêu mức độ A đều có thực hiện.
- Không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm Điều 3 của quy chuẩn này.

2.2. Cơ sở không đạt quy chuẩn

2.2.1. Tiếp tục hoạt động nhưng phải thực hiện các hành động khắc phục để kiểm tra lại sau 3 tháng khi:

- Vi phạm tối đa 3 trong số các chỉ tiêu sau đây:
 - Cơ sở chưa tự kiểm tra, đánh giá thực hiện quy định quản lý chất thải (chỉ tiêu 4 Phụ lục 3)
 - Xe vận chuyển chất thải chưa theo quy định (chỉ tiêu 6 Phụ lục 3)
 - Thu gom, vận chuyển chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về nơi tập trung > 2 ngày/lần (chỉ tiêu 9 Phụ lục 3)
 - Nước thải sau khi xử lý chưa đạt tiêu chuẩn môi trường QCVN 24: 2009/BTNMT (chỉ tiêu 20 Phụ lục 3)
- Tất cả các chỉ tiêu mức độ A khác đều có thực hiện
- Không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm Điều 3 của quy chuẩn này

2.2.2. Ngừng hoạt động để thực hiện các hành động khắc phục:

- Vi phạm tối đa 5 trong số các chỉ tiêu sau đây:

- Cơ sở chưa tự kiểm tra, đánh giá thực hiện quy định quản lý chất thải (chỉ tiêu 4 Phụ lục 3)
 - Xe vận chuyển chất thải chưa theo quy định (chỉ tiêu 6 Phụ lục 3)
 - Thu gom, vận chuyển chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về nơi tập trung > 2 ngày/lần (chỉ tiêu 9 Phụ lục này)
 - Nước thải sau khi xử lý chưa đạt tiêu chuẩn môi trường QCVN 5945 - 2009 (chỉ tiêu 20 Phụ lục 3)
 - Công nghệ xử lý nước thải có đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường (chỉ tiêu 19 Phụ lục 3)
 - Công suất xử lý nước thải có phù hợp với lượng nước thải phát sinh (chỉ tiêu 22 Phụ lục 3)
- Tất cả các chỉ tiêu mức độ A khác đều có thực hiện
 - Không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong Điều 3 của quy chuẩn này.

Phụ lục 4
BẢNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI CƠ SỞ KÝ HỢP ĐỒNG
XỬ LÝ CHẤT THẢI

Mức độ A = Bắt buộc thực hiện; Mức độ B = Khuyến khích thực hiện

STT	Nội dung đánh giá, kiểm tra	Mức độ	Kết quả đánh giá		Yêu cầu điều chỉnh
			Có	Không	
I	Quản lý, cơ sở vật chất				
1	Cơ sở có giấy phép kinh doanh, giấy phép hành nghề không?	A			
2	Cơ sở có hợp đồng dài hạn với cơ quan có tư cách pháp nhân vận chuyển, xử lý chất thải không?	A			
3	Cơ sở có báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường trong cơ sở không?	B			
4	Cơ sở có tự kiểm tra, đánh giá thực hiện quy định quản lý chất thải không?	A			
II	Thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải				
5	Túi đựng chất thải có theo quy định không?	A			
6	Thùng chứa đựng chất thải có theo quy định không?	A			
7	Cơ sở có thực hiện phân loại chất thải tại nguồn không?	A			
8	Có hệ thống sổ sách ghi chép việc bàn giao vận chuyển, xử lý chất thải không?	A			
	Xử lý và tiêu hủy nước thải				
9	Cơ sở có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn không?	A			
10	Công nghệ xử lý nước thải có đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường?	A			

STT	Nội dung đánh giá, kiểm tra	Mức độ	Kết quả đánh giá		Yêu cầu điều chỉnh
			Có	Không	
11	Nước thải sau khi xử lý có đạt tiêu chuẩn môi trường QCVN 24: 2009/ BTNMT không?	A			
12	Định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra không?	B			
13	Công suất xử lý nước thải có phù hợp với lượng nước thải phát sinh không?	A			

CÁCH ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN HỢP QUY

1. Cách đánh giá

1.1. Việc đăng ký, kiểm tra, chứng nhận hợp quy theo quy chế công nhận hợp quy của Bộ Nông nghiệp & PTNT;

1.2. Các chỉ tiêu mức độ A là chỉ tiêu bắt buộc thực hiện, mức độ B là khuyến khích thực hiện:

1.3. Hình thức kiểm tra đánh giá:

1.3.1. Cơ sở tự kiểm tra

1.3.2. Cơ quan chứng nhận kiểm tra, đánh giá

1.3.3. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá việc thực hiện

1.4. Phương pháp kiểm tra đánh giá:

1.4.1. Kiểm tra hồ sơ, giấy tờ, sổ sách liên quan

1.4.2. Phỏng vấn chủ cơ sở và những người liên quan

1.4.3. Lấy mẫu kiểm tra (nếu cần thiết)

2. Cách tính kết quả

2.1. Đạt quy chuẩn khi đạt các điều kiện sau đây:

- Tất cả các chỉ tiêu mức độ A đều có thực hiện
- Không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm Điều 3 của quy chuẩn này

2.2. Không đạt quy chuẩn khi:

- Vi phạm một trong các tiêu chuẩn mức độ A
- Vi phạm một trong các hành vi bị nghiêm cấm Điều 3 của quy chuẩn này.

QCVN 01 - 25: 2010/BNNPTNT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI TRONG CƠ SỞ GIẾT MỒ
GIA SÚC, GIA CẦM**

Technical regulation

Waste management in animal slaughterhouse

Lời nói đầu:

QCVN 01 - 25: 2010/BNNPTNT do Cục Thú y biên soạn; Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình duyệt và được ban hành kèm theo Thông tư số 31/2010/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

QUY CHUẨN

kỹ thuật quốc gia về quản lý chất thải trong cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

Technical regulation

Waste management in animal slaughterhouse

1. Quy định chung

1.1. Phạm vi áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giết mổ gia súc, gia cầm trên lãnh thổ Việt Nam.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này quy định các biện pháp quản lý, phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trong các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm: Là địa điểm cố định, được các cơ quan có thẩm quyền cho phép kinh doanh giết mổ gia súc, gia cầm.

1.3.2. Chất thải: Là toàn bộ những vật chất được thải ra từ quá trình sản xuất, sinh hoạt, bao gồm cả chất thải ở dạng rắn và dạng lỏng.

1.3.3. Chất thải thông thường: Là những chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất, sinh hoạt của cơ sở không chứa các yếu tố nguy hại.

1.3.4. Chất thải có thể tái chế được: Là chất thải có thể chế biến lại để sử dụng với mục đích khác nhau ngoài mục đích làm thực phẩm cho người.

1.3.5. Chất thải nguy hại: Là chất thải chứa các yếu tố độc hại, dễ lây nhiễm hoặc các đặc tính nguy hại khác ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đối với sức khỏe con người và môi trường sinh thái.

1.3.6. Chủ thu gom, vận chuyển chất thải: Là tổ chức, cá nhân có tư cách pháp nhân hoạt động trong lĩnh vực xử lý chất thải.

1.3.7. Thiêu đốt: Là biện pháp thiêu hủy hoàn toàn chất thải rắn trong lò thiêu kín có nhiệt độ cao theo quy chuẩn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

1.3.8. Chôn lấp: Là biện pháp tiêu hủy chất thải rắn bằng cách chôn lấp dưới đất theo đúng quy định của pháp luật

1.3.9. Quản lý chất thải: Là hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải theo quy định của Pháp luật.

2. Quy định kỹ thuật

2.1. Màu sắc, chất liệu, kích thước của bao bì chứa đựng chất thải

2.1.1. Màu sắc

2.1.1.1. Bao bì màu vàng đựng chất thải dễ lây nhiễm, có biểu tượng nguy hại sinh học bên ngoài (Phụ lục 1).

2.1.1.2. Bao bì màu xanh đựng chất thải sinh hoạt thông thường.

2.1.1.3. Bao bì màu trắng đựng chất thải tái chế được.

2.1.2. Kích thước, chất liệu

2.1.2.1. Bao bì chứa đựng chất thải phải có kích thước đủ lớn để chất thải không rơi vãi ra ngoài. Bao bì phải có màu sắc và biểu tượng chỉ loại chất thải. Bên ngoài bao bì có vạch báo hiệu ở mức 3/4 bao bì ghi rõ “Không đựng quá vạch này”.

2.1.2.2. Chất liệu làm bao bì chứa chất thải phải bảo đảm kín, không thấm nước, không bị ăn mòn, dễ làm vệ sinh (nếu dùng lại) hoặc tiêu hủy được (nếu dùng một lần).

2.2. Phân loại chất thải rắn tại nguồn

2.2.1. Phải thực hiện phân loại chất thải rắn ngay tại nơi phát sinh, chứa đựng trong bao bì theo đúng quy định.

2.2.2. Chất thải nguy hại không được để lẫn với chất thải thông thường. Nếu vô tình để lẫn chất thải nguy hại vào chất thải thông thường thì hỗn hợp chất thải đó phải được xử lý và tiêu hủy như chất thải nguy hại.

2.3. Thu gom, lưu trữ chất thải rắn thông thường trong cơ sở giết mổ

2.3.1. Phải lắp đặt các lưới chắn hoặc dụng cụ tương tự trên sàn nhà để thu gom chất thải rắn trong quá trình sản xuất.

2.3.2. Tại mỗi bộ phận sản xuất phải bố trí vị trí đặt dụng cụ phân loại chất thải rắn. Nơi phát sinh chất thải phải có đủ loại bao bì thu gom tương ứng.

2.3.3. Phải sử dụng bao bì đựng chất thải theo đúng tiêu chuẩn quy định và phải được vệ sinh hàng ngày.

2.3.4. Những dụng cụ thu gom lông, biểu bì, phủ tạng, mỡ vụn, chất chứa trong đường tiêu hóa... phải được bố trí ở ngay những nơi phát sinh chất thải.

2.3.5. Bao bì sạch thu gom chất thải phải luôn có sẵn tại nơi chất thải phát sinh để thay thế cho bao bì cùng loại đã được thu gom chuyển về nơi lưu giữ chất thải.

2.3.6. Phân gia súc trong chuồng lưu giữ gia súc phải được quét dọn và xử lý hàng ngày.

2.3.7. Chất thải rắn thông thường phải được thu gom thường xuyên và định kỳ mang đi xử lý như rác thải sinh hoạt. Thời gian lưu giữ chất thải thông thường trong cơ sở giết mổ không quá 24 giờ.

2.4. Xử lý chất thải rắn thông thường trong cơ sở giết mổ

2.4.1. Sau khi phân loại, thu gom, chất thải rắn thông thường phải được ủ composting với thiết bị ủ compost kiểu kín, đứng, được thiết kế theo nguyên lý hoạt động liên tục. Chất thải sau khi ủ theo thời gian quy định sẽ được sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

2.4.2. Đối với lông, da gia súc, gia cầm sử dụng làm nguyên liệu công nghiệp phải được thu gom, phun thuốc sát trùng trước khi mang đi sử dụng.

2.4.3. Cơ sở không có điều kiện ủ composting, phải chuyển giao chất thải rắn thông thường cho tổ chức, cá nhân có tư cách pháp nhân hoạt động trong lĩnh vực xử lý chất thải mang đi xử lý theo quy định.

2.5. Thu gom, lưu giữ chất thải rắn nguy hại

2.5.1. Xác gia súc, gia cầm chết do bệnh hay nghi bệnh, các loại thịt, phủ tạng có bệnh tích phải được thu gom vào bao bì màu vàng, bên ngoài có dán biểu tượng chỉ chất thải nguy hại. Ngay sau khi có quyết định xử lý của cơ quan hoặc người có thẩm quyền, chủ cơ sở phải lập tức mang đi xử lý theo quy định.

2.5.2. Không được lưu trữ chất thải rắn nguy hại tại cơ sở giết mổ quá 8 giờ.

2.6. Xử lý chất thải rắn nguy hại

2.6.1. Xác gia súc, gia cầm chết do bệnh truyền nhiễm hay nghi mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm: Phải báo ngay với cơ quan thú y có thẩm quyền và tiến hành xử lý tại cơ sở hoặc chuyển giao cho chủ thu gom, vận chuyển chất thải xử lý theo quy định.

2.6.2. Các chất thải rắn có mang bệnh tích phải xử lý theo quy định đối với chất thải rắn nguy hại, lây nhiễm sinh học.

2.6.3. Các loại bao bì đựng hóa chất sát trùng, nhựa thông, parafin dùng nhổ lông vịt phải được chuyển giao cho chủ thu gom, vận chuyển chất thải mang đi xử lý theo quy định.

2.7. Nơi lưu giữ chất thải

2.7.1. Mỗi loại chất thải phải có nơi lưu giữ riêng biệt.

2.7.2. Nơi lưu giữ chất thải tại các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm phải ở cuối hướng gió chính; cách xa nhà ăn, lối đi công cộng và khu vực sản xuất, nơi lưu giữ gia súc sống; có đường riêng để thuận tiện cho xe chuyên chở chất thải ra vào.

2.7.3. Khu vực lưu giữ chất thải phải có mái che, có hàng rào cách biệt với các khu vực khác trong cơ sở. Không để súc vật, các loài gặm nhấm xâm nhập khu vực lưu giữ chất thải.

2.7.4. Diện tích khu vực lưu giữ chất thải phù hợp với lượng chất thải phát sinh của cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.

2.7.5. Phải có phương tiện rửa tay, phương tiện bảo hộ cho nhân viên, có dụng cụ, hóa chất làm vệ sinh.

2.7.6. Có hệ thống cống thoát nước, tường và nền chống thấm, thông khí tốt.

2.8. Vận chuyển chất thải ra ngoài cơ sở giết mổ

2.8.1. Phương tiện vận chuyển chất thải phải kín bảo đảm không làm rơi vãi chất thải nước thải trong quá trình vận chuyển.

2.8.2. Chất thải nguy hại không được vận chuyển chung với chất thải thông thường. Nếu phải vận chuyển chung thì toàn bộ chất thải vận chuyển chung phải được xử lý như chất thải nguy hại.

2.8.3. Cơ sở phải quy định giờ vận chuyển chất thải. Tránh vận chuyển chất thải qua các khu vực sạch trong lò mổ.

2.8.5. Bao bì đựng chất thải phải buộc kín miệng. Không được làm rơi, vãi chất thải, nước thải và phát tán mùi hôi trong quá trình vận chuyển.

2.9. Quy định về chuyển giao chất thải

2.9.1. Trường hợp cơ sở giết mổ không có điều kiện xử lý chất thải tại chỗ thì chủ cơ sở phải chuyển giao chất thải cho các tổ chức, cá nhân có tư cách pháp nhân hoạt động trong lĩnh vực xử lý chất thải.

2.9.2. Việc chuyển giao chất thải phải thực hiện đúng quy định hiện hành, có hợp đồng chuyển giao cụ thể giữa cơ sở với chủ thu gom, vận chuyển chất thải.

2.10. Quy định xử lý nước thải trong cơ sở giết mổ

2.10.1. Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất có công suất phù hợp với lượng nước thải phát sinh của cơ sở.

2.10.2. Cơ sở phải có nguồn tiếp nhận nước thải đảm bảo đủ tiếp nhận nước thải của cơ sở sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn.

2.10.3. Nước thải sau khi xử lý phải đạt yêu cầu của QCVN 24: 2009/BTNMT mức độ B trước khi thải ra ngoài môi trường (Phụ lục 2).

2.10.4. Phải định kỳ tự giám sát chất lượng xử lý nước thải và lưu giữ hồ sơ xử lý nước thải theo quy định.

2.10.5. Cửa xả nước thải phải thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát.

2.10.6. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phải được quản lý như chất thải rắn nguy hại.

2.10.7. Nước thải của quá trình sản xuất phải được lọc bớt các chất thải rắn bằng cách thiết kế các lưới lọc và hố lắng dọc theo hệ thống thu gom nước thải.

2.10.8. Xử lý nước thải sinh hoạt.

Tại những cơ sở có lượng nước thải sinh hoạt trên $5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, nước thải sinh hoạt được thu gom bằng hệ thống riêng, xử lý sơ bộ bằng hầm xử lý kỵ khí trước khi cho chảy vào hệ thống xử lý chung với nước thải sản xuất.

3. Quy định về quản lý

3.1. Trách nhiệm của cơ sở giết mổ gia súc gia cầm

3.1.1. Phải có cam kết bảo vệ môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường.

3.1.2. Thực hiện tự kiểm tra, đánh giá việc quản lý chất thải trong cơ sở (theo phụ lục số 3)

3.2. Chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy

3.2.1. Phương thức đánh giá, chứng nhận hợp quy cho cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm phù hợp với quy định được thực hiện theo Thông tư số 83/2009/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.2.2. Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm phải thực hiện công bố hợp quy và gửi hồ sơ công bố hợp quy về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định tại Thông tư số 83/2009/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.3. Tổ chức thực hiện

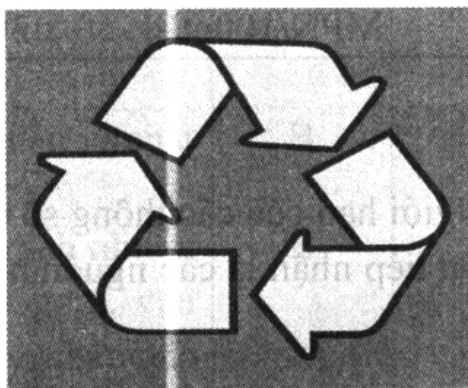
3.3.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao cho Cục Thú y tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy chuẩn này.

3.3.2. Các đối tượng nêu tại mục 1.2 có trách nhiệm tuân thủ các quy định của quy chuẩn này.

Phụ lục 1
BIỂU TƯỢNG CHỈ LOẠI CHẤT THẢI



Biểu tượng chất thải nguy hại



Biểu tượng chỉ chất thải tái chế được

Phụ lục 2**GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ VÀ NỒNG ĐỘ CÁC CHẤT Ô NHIỄM TRONG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP (QCVN 24: 2009/BTNMT)**

Bảng 1: Giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	
			A	B
1	Nhiệt độ	°C	40	40
2	pH	-	6 - 9	5,5 - 9
3	Mùi	-	Không khó chịu	Không khó chịu
4	Màu sắc, Co-Pt ở pH = 7		20	70
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	50
6	COD	mg/l	50	100
7	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100
8	Tổng nitơ	mg/l	15	30
9	Tổng photpho	mg/l	4	6
10	Coliform	MPN/100ml	3000	5000

Trong đó:

- Cột A quy định giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận là các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

- Cột B quy định giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận là các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Phụ lục 3**BẢNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ “QUY CHUẨN QUẢN LÝ CHẤT THẢI TRONG CƠ SỞ GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẦM”****A. CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ THEO QUY CHUẨN**

Mức độ A: Bắt buộc thực hiện - Mức độ B: Khuyến khích thực hiện

Chỉ tiêu	Nội dung kiểm tra	Mức độ	Đánh giá		Yêu cầu điều chỉnh
			Có	Không	
	I. Thủ tục hành chính				
1	Cơ sở có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh không?	A			
2	Cơ sở có lập bảng đánh giá tác động môi trường/cam kết bảo vệ môi trường không?	A			
3	Nếu không tự xử lý, cơ sở có hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại với cá nhân, tổ chức có chức năng xử lý chất thải không?	A			
4	Cơ sở có sổ theo dõi, quản lý chất thải không?	B			
5	Cơ sở có quy định về trách nhiệm cá nhân trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải không?	B			
6	Cơ sở có quy định bằng văn bản về địa điểm tập trung, cách thức thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý, tiêu hủy các loại chất thải không?	B			
	II. Quy định kỹ thuật				
	<i>Đánh giá về phân loại, vận chuyển chất thải</i>				
7	Cơ sở có dụng cụ, thiết bị thu gom, chứa đựng chất thải đúng quy định không ?	A			

Chỉ tiêu	Nội dung kiểm tra	Mức độ	Đánh giá		Yêu cầu điều chỉnh
			Có	Không	
8	Cơ sở có tổ chức phân loại chất thải tại cơ sở theo quy định không?	A			
9	Cơ sở có phương tiện vận chuyển chất thải chuyên dùng, đã được cấp phép lưu hành không?	B			
10	Chất thải nguy hại có để riêng với chất thải thông thường không ?	A			
11	Có thu gom, quét dọn vệ sinh lò mổ sau mỗi ca làm việc không?	A			
	<i>Đánh giá về thu gom chất thải</i>				
12	Cơ sở có quy trình và thực hiện đúng quy trình thu gom chất thải rắn tại cơ sở đối với từng loại chất thải không?	A			
13	Thu gom chất thải gây nguy hại sinh học, lây nhiễm đúng quy định không?	A			
14	Có thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt không?	A			
	<i>Đánh giá về quy trình xử lý chất thải của cơ sở</i>				
15	Có khai báo với cơ quan thú y khi phát hiện xác gia súc, gia cầm chết tại cơ sở giết mổ không?	A			
16	Có xử lý tại chỗ hoặc chuyển giao chất thải đúng quy định không?	A			
17	Có hầm ủ compost để xử lý chất thải không?	B			
18	Có sử dụng hóa chất để xử lý lông, da gia súc, gia cầm trước khi vận chuyển ra khỏi lò mổ không?	A			

Chỉ tiêu	Nội dung kiểm tra	Mức độ	Đánh giá		Yêu cầu điều chỉnh
			Có	Không	
	<i>Đánh giá về quy trình xử lý nước thải của cơ sở</i>				
19	Có xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đồng bộ không?	A			
20	Có kế hoạch tự giám sát và định kỳ tự giám sát chất lượng nước thải không?	A			
21	Nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn môi trường (QCVN 24: 2009/ BTNMT) không?	A			

B. CÁCH ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN HỢP QUY

1. Cách đánh giá

1.1. Việc đăng ký, kiểm tra, chứng nhận hợp quy theo quy chế công nhận hợp quy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.2. Các chỉ tiêu mức độ A là chỉ tiêu bắt buộc thực hiện, mức độ B là khuyến khích thực hiện.

1.3. Hình thức kiểm tra đánh giá:

1.3.1. Cơ sở tự kiểm tra.

1.3.2. Cơ quan chứng nhận kiểm tra, đánh giá.

1.3.3. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

1.4. Phương pháp kiểm tra đánh giá:

1.4.1. Kiểm tra hồ sơ, giấy tờ, sổ sách liên quan.

1.4.2. Phỏng vấn chủ cơ sở và những người liên quan.

1.4.3. Lấy mẫu kiểm tra.

2. Cách tính kết quả

2.1. Cơ sở đạt quy chuẩn khi có đủ các điều kiện:

- Tất cả các chỉ tiêu mức độ A đều có thực hiện.
- Không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm.

2.2. Cơ sở không đạt quy chuẩn

2.2.1. Tiếp tục hoạt động nhưng phải thực hiện các hành động khắc phục để kiểm tra lại sau 3 tháng khi:

- + Vi phạm tối đa 3 trong các chỉ tiêu sau đây:
 - Bao bì chứa đựng chất thải chưa đúng quy định
 - Cơ sở chưa tự kiểm tra, đánh giá thực hiện quy định quản lý chất thải.
 - Thu gom, vận chuyển chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về nơi tập trung quá thời gian quy định.
 - Chưa thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt.
 - Chưa xử lý lông, da gia súc, gia cầm trước khi vận chuyển ra khỏi cơ sở.
 - Nước thải sau khi xử lý chưa đạt yêu cầu của QCVN 24: 2009/BTNMT.

2.2.2. Ngừng hoạt động để thực hiện các biện pháp khắc phục:

- + Vi phạm tối đa 5 trong số các chỉ tiêu sau đây:
 - Chưa lập bảng đánh giá tác động môi trường/cam kết bảo vệ môi trường.
 - Bao bì chứa đựng chất thải chưa đúng quy định.
 - Cơ sở chưa tự kiểm tra, đánh giá thực hiện quy định quản lý chất thải.
 - Chưa thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt.
 - Chưa xử lý lông, da gia súc, gia cầm trước khi vận chuyển ra khỏi cơ sở.
 - Thu gom, vận chuyển chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về nơi tập trung quá thời gian quy định.
 - Nước thải sau khi xử lý chưa đạt yêu cầu của QCVN 24: 2009/BTNMT.